

Bản án số: 57/2022/DS-ST

Ngày: 13-5-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Hoài Yên.
- Bà Ký Bé Lài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 401/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh H (Vắng mặt).

2. Bà Trần Thị P (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 03 năm 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 09/3/2021, bà Trần Thị P có mua 01 điện thoại, tủ lạnh, loa kéo, tủ áo, giường ngủ và còn nợ ông 45.000.000đ, thời hạn thanh toán ngày 08/4/2021. Đến ngày 26/4/2021, tiếp tục mua thêm 01 điện thoại hiệu OPPO với giá 9.000.000đ, thời hạn thanh toán là ngày 26/5/2021. Các lần mua bán đều có viết biên nhận nợ. Tại phiên Tòa ông S yêu cầu rút lại yêu cầu đòi ông H, bà P trả số tiền 9.000.000đ tiền mua điện thoại hiệu OPPO ngày 26/4/2021.

Do bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H vẫn còn là vợ chồng nên ông yêu bà P và ông H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 45.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị P đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông H, bà P vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H thanh toán tiền mua hàng của ông. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H.

[3] Tại phiên tòa ông S xác định bà Trần Thị P có đến cửa hàng ông mua các mặt hàng như: Điện thoại, tủ lạnh, loa kéo, tủ áo, giường ngủ và hiện còn nợ ông số tiền là 45.0000.000đ. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông Nguyễn Việt S cung cấp biên nhận nợ ngày 09/3/2021 có nội dung bà P có mua một số mặt hàng điện thoại, tủ lạnh, loa kéo, tủ áo, giường ngủ của ông còn nợ tiền ông S đã trình bày.

Đối với bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì về việc yêu cầu của ông S và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của ông S. Tuy các biên nhận nợ chỉ có bà P ký tên, ông H không tham gia ký nợ, nhưng hiện bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H đang là vợ chồng, các tài sản bà P mua về để sử dụng chung trong gia đình, vì vậy ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà P thanh toán số nợ này. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Việt S, buộc bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho ông S số tiền 45.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi suất: Ông S yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền 45.000.000đ của biên nhận nợ ngày 09/3/2021, Hội đồng xét xử nhận thấy: Biên nhận nợ ngày 09/3/2021 có ghi thời hạn thanh toán là ngày 08/4/2021, tuy nhiên từ ngày ký biên nhận nợ đến nay bà P không thanh toán cho ông S số tiền như đã cam kết, do đó bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, yêu cầu của ông S buộc bà P và ông H phải chịu tiền lãi suất đối với số tiền

45.000.000đ từ ngày 08/4/2021 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do các bên không có thỏa thuận lãi suất cụ thể, nên cần áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định lãi suất như sau:

Số tiền lãi của khoản nợ 45.000.000 đồng từ ngày 08/4/2021 đến 13/5/2022 là 01 năm 01 tháng 05 ngày.

Tiền lãi sẽ là $(45.000.000đ \times 01 \text{ năm} \times 10\%) + (45.000.000đ \times 01 \text{ tháng} \times 0,83\%) + (45.000.000đ \times 05 \text{ ngày} \times 0,028\%) = 4.936.500 \text{ đồng}$.

Như vậy bà Phí, ông H có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền tổng gốc và lãi là 49.936.644 đồng.

[4] Đối với yêu cầu đòi ông H, bà P trả 9.000.000đ tiền mua điện thoại hiệu OPPO ngày 26/4/2021. Tại đơn yêu cầu ngày 29 tháng 03 năm 2021 ông S đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà P trả 9.000.000đ tiền mua điện thoại nhưng tại phiên tòa ông S xin rút yêu cầu. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông S về yêu cầu đòi ông H, bà P trả 9.000.000đ tiền mua điện thoại hiệu OPPO ngày 26/4/2021; nếu sau này ông S khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ông S không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Việt S được chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí, ông S nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.350.000 đồng được nhận lại. Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 49.936.644 đồng là 2.496.832 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, khoản 1 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Việt S số tiền 49.936.644 đồng (Bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các

khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H trả 9.000.000đ tiền mua điện thoại hiệu OPPO ngày 26/4/2021 của ông Nguyễn Việt S, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Việt S không phải chịu án phí, ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017353 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Ông S được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.496.832 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm ba mươi hai đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Án xử sơ thẩm, Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình